

Biểu mẫu 01
THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường mầm non Sóc Nâu
(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	NỘI DUNG	NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Trẻ khỏe mạnh cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi * Mức độ về năng lực: - Trẻ có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ diễn đạt hiểu biết bằng câu nói đơn giản. - Trẻ có khả năng bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi, - Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi - Trẻ nói một vài đặc điểm nổi bật của các đối tượng quen thuộc, lấy và cất đồ dùng theo yêu cầu * Mức độ về hành vi: - Trẻ biết lễ phép chào hỏi và cảm ơn - Trẻ thực hiện hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ - Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác. - Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo độ tuổi. * Mức độ về năng lực: - Trẻ có khả năng xem xét và tìm hiểu đặc điểm của sự vật hiện tượng. - Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản. - Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau: + Mô tả nhận xét trò chuyện và thảo luận về đặc điểm sự khác nhau của các đối tượng. + Thể hiện hiểu biết về đối tượng thông qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... - Trẻ làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán. - Trẻ khám phá về xã hội * Mức độ về hành vi: - Trẻ có một số hành vi tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe. - Trẻ thể hiện hành vi và quy tắc ứng xử xã hội: + Thực hiện một số qui định của lớp, gia đình và nơi công cộng + Biết lễ phép, chú ý lắng nghe, chờ đến lượt, biết cùng trao đổi với bạn và giải quyết mâu thuẫn.

II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục mầm non theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục mầm non theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	* Phát triển thể chất: - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ - Thực hiện được các vận động cơ bản theo độ tuổi. - Trẻ nhanh nhẹn có khả năng làm được một số việc tự phục vụ. - Phát triển một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. * Phát triển nhận thức: - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh - Có sự nhạy cảm của các giác quan - Có khả năng quan sát nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, gần gũi quen thuộc * Phát triển ngôn ngữ: - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp,	* Phát triển thể chất: - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Trẻ có khả năng phối hợp các giác quan và vận động. - Trẻ có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân. - Thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp. - Thực hiện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Thực hiện một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. * Phát triển nhận thức: - Ham hiểu biết thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán chú ý ghi nhớ có chủ định - Có khả năng diễn đạt hiểu biết bằng các cách khác nhau (hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, hiện tượng sự vật xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. * Phát triển ngôn ngữ:

		diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp. * Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội: - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích hát, nghe hát và vận động theo nhạc, thích vẽ, xé dán và xếp hình.	- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong đời sống hằng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về đọc viết. * Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội: - Có ý thức về bản thân, - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc quy định ở gia đình, trường lớp, cộng đồng gần gũi. * Phát triển thẩm mỹ: - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc trong hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích hào hứng tham gia các hoạt động nghệ thuật.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	* <u>Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe</u> - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi - Khẩu phần dinh dưỡng đạt 55-60%/calo/ngày - Khám sức khỏe định kỳ: 01 lần/năm - Vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải một cách hợp lý. - Phòng và xử lý các bệnh dịch	

		* <u>Giáo dục</u> - Thực hiện các nội dung giáo dục phát triển phù hợp theo từng độ tuổi. - Tổ chức các hoạt động cho trẻ: thể dục, học, chơi trong lớp, chơi ngoài trời, ăn, ngủ, vệ sinh, hoạt động chiều,... - Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, liên tục. - Sự kết hợp chặt chẽ giữa CMHS và nhà trường.
--	--	---

Quận 10, ngày 21 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thụy Ngọc

Vân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG MẦM NON SÓC NẬU

Biểu mẫu 02

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế năm học 2024-2025

Đơn vị tính: trẻ em

ST T	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			03-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	62	0	12	10	13	12	15
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	62	0	12	10	13	12	15
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	62	0	12	10	13	12	15
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	62	0	12	10	13	12	15
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	62	0	12	10	13	12	15
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	62	0	12	10	13	12	15
1	Số trẻ cân nặng bình thường	62	0	12	10	13	12	15
2	Số trẻ SDD thể nhẹ cân	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	0	0	0	0	0	0	0
4	Số trẻ SDD thể thấp còi	0	0	0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	02	0	0	0	0	01	01
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	62	0	12	10	13	12	15
1	Chương trình chăm sóc giáo dục nhà trẻ	22	0	12	10			
2	Chương trình chăm sóc giáo dục mẫu giáo	40				13	12	15
VII	Chuẩn Quốc gia	0		0	0	0	0	0
VIII	Kiểm định chất lượng GDMN	0	0	0	0	0	0	0

Quận 10, ngày 21 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG MẦM NON SÓC NÂU

Biểu mẫu 03
Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	05	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	05	
1	Phòng học kiên cố	05	
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	339 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	64 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung phòng ngoài (m ²)	40 m ²	
2	Diện tích phòng sinh hoạt chung phòng trong (m ²)	28 m ²	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		
5	Diện tích nhà bếp đúng quy cách (m ²)	34 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	05bộ/05lớp	Số bộ/nhóm (lớp)
VIII	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v....)	07	
IX	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	03	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	01	
3	Máy phô tô	00	
5	Catsset	00	

6	Đầu Video/đầu đĩa	00	
7	Thiết bị khác	05	
8	Đồ chơi ngoài trời	05	
9	Bàn ghế đúng quy cách	65	
10	Thiết bị, đồ chơi tự làm	30	
..			

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01	05			
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0			

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XV	Tường rào xây	X	

Quận 10, ngày 21 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thụy Ngọc Vân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG MẦM NON SÓC NẬU

Biểu mẫu 04

Công khai thông tin về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Ghi chú
			TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	16	00	00	06	04	02	04	
I	Giáo viên	05	0	0	01	03	01	00	
II	Cán bộ quản lý	01	0	0	01	0	0	0	
1	Hiệu trưởng	01	0	0	01	0	0	0	
2	Phó hiệu trưởng	00	0	0	0	0	0	0	
III	Nhân viên	10	00	00	04	01	01	04	
1	Nhân viên văn phòng	01	0	0	01	0	0	0	
2	Nhân viên kế toán	00	0	0	0	0	0	0	
3	Thủ quỹ	01	0	0	01	0	0	0	
4	Nhân viên y tế	01	0	0	0	0	0	01	
5	Nhân viên nấu ăn	01	0	0	0	0	01	0	
6	Nhân viên khác	06	0	0	02	01	0	03	

3. Công khai các khoản thu 1 tháng của trẻ:

- Thiết bị vật dụng bán trú: 1.500.000đ (năm học)
- Vệ sinh: 150.000đ
- Tiền ăn: 50.000đ/ ngày
- Phục vụ bán trú: 150.000đ
- Học phí : *Nhà trẻ: 3.400.000đ
*Mẫu giáo: 3.200.000đ

Quận 10, ngày 21 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thụy Ngọc Vân